

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3- CẦN THƠ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 135/2026/DS-ST

Ngày 17-3-2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất –
Hợp đồng ủy quyền*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Trung Hiến**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Hùng Phước**.

2/ Ông **Lê Thanh Tùng**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3- Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Cần Thơ tham gia phiên tòa:**
Bà **Nguyễn Thanh Tuyên** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3- Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 907/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất – Hợp đồng ủy quyền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2026/QĐST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Bà **Nguyễn Thị Phương A**, sinh năm 1985.

2. Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1949.

3. Bà **Nguyễn Thị Phương L1**, sinh năm 1979. **Có yêu cầu xét xử vắng mặt.**

4. Ông **Nguyễn Phương H**, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: Số D P, khu vực Y, phường C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị Phương A, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Phương H là bà **Huỳnh Xuân D**, sinh năm 1988. **Có mặt.**

Địa chỉ: Số A, ấp H, xã P, huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã P, tỉnh An Giang).
SĐT: 0907.888.204. Văn bản ủy quyền ngày 04.01.2025.

*** Bị đơn: Ngân hàng TNHH MTV S.**

Địa chỉ: Số G L, phường C, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ phòng G: Đường P, phường C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền: ông Huỳnh Phước C, sinh năm 1986. **Có mặt.**

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Văn phòng C1 (nay là Văn phòng C2). *Có yêu cầu xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Số C đường L, khu vực Y, phường C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 17/4/2014 gia đình nguyên đơn gồm Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Phương L1, Nguyễn thị Phương A, Nguyễn Phương H cùng ký hợp đồng chuyển nhượng một phần đất có diện tích 52,8m² thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20, diện tích 211,6m², tọa lạc tại khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ, được Ủy ban nhân dân Quận C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 495519, số vào sổ CH00874, cấp ngày 22/02/2011 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim L, với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) do ông Nguyễn Ngọc B làm đại diện (theo Quyết định ủy quyền số 1784/QĐ-DAB ký ngày 15/4/2014) với giá 750.000.000 đồng (B1 trăm năm mươi triệu đồng) tại Văn phòng C1 (Nay là Văn phòng C2), kèm theo sơ đồ phân diện tích chuyển nhượng.

Sau khi ký hợp đồng, gia đình đã bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 495519 do Ủy ban nhân dân quận C cấp ngày 22/02/2011 cho Ngân hàng để tiến hành làm thủ tục đo vẽ và tách sổ diện tích nói trên.

Ngày 10/5/2014 Ngân hàng thông báo với nguyên đơn là đã có phiếu xác nhận đo đạc hiện trạng thửa đất và mảnh trích đo địa chính của thửa đất, Ngân hàng sẽ tiến hành thủ tục tách sổ. Nhưng đến ngày 11/12/2014, Ngân hàng thông báo là hiện tại hồ sơ tách thửa đang bị vướng chưa thể làm được nên yêu cầu nguyên đơn ký ủy quyền toàn quyền phân diện tích đất 52,8m² cho Ngân hàng trong thời gian chờ đợi làm sổ.

Tuy nhiên, cho đến nay đã hơn 10 (mười) năm trôi qua mà Ngân hàng vẫn chưa thực hiện xong thủ tục sang tên tách sổ, điều này gây khó khăn trong việc thực hiện quyền sử dụng đất, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cả hai bên. Mặc dù nguyên đơn nhiều lần liên hệ Ngân hàng để giải quyết nhưng Ngân hàng nói

phần diện tích nêu trên Ngân hàng không làm thủ tục tách thửa được vì không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa, nếu nguyên đơn không đồng ý thì cứ khởi kiện ra tòa.

Nhận thấy hợp đồng chuyển nhượng đã được ký kết hơn mười năm, các bên cũng đã lập sơ đồ đo vẽ, đã bàn giao thực địa, Ngân hàng cũng sử dụng phần đất chuyển nhượng nêu trên để xây trụ ATM, nhưng việc sang tên tách sổ lại không được thực hiện gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cả hai bên.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

+ Yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất Số công chứng: 825, quyền số 04/2014TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/4/2014 tại Văn phòng C1 giữa bà Nguyễn Thị Kim L sinh năm 1949, Nguyễn Thị Phương L1 sinh năm 1979, Nguyễn Thị Phương A sinh năm 1985 và Nguyễn Phương H sinh năm 1998 với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ do có đối tượng không thể thực hiện được theo Điều 408 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ trả lại cho gia đình phần diện tích 52,8m² đất nằm trong thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20, diện tích 211,6m², tọa lạc tại khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ, được Ủy ban nhân dân Quận C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 495519, sổ vào sổ CH00874, cấp ngày 22/02/2011 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim L2 và gia đình sẽ trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 750.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi triệu đồng) đã nhận từ phía Ngân hàng.

+ Buộc Ngân hàng di dời hai trụ ATM đã xây lắp trên phần diện tích nói trên, nguyên đơn đồng ý hỗ trợ một phần tiền di dời cho Ngân hàng.

+ Đồng thời tuyên hủy Hợp đồng ủy quyền số công chứng 2882, quyền số 12/2014TP/CC-SCC-HĐGD ngày 11/12/2014 ký tại Văn phòng C1 giữa bà Nguyễn Thị Kim L sinh năm 1949, Nguyễn Thị Phương L1 sinh năm 1979, Nguyễn Thị Phương A sinh năm 1985 và Nguyễn Phương H sinh năm 1998 với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ do ông Nguyễn Ngọc B làm đại diện theo Quyết định ủy quyền số 1784/QĐDAB ký ngày 15/4/2014.

* *Đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày:* Ngân hàng TNHH MTV S1 (tên gọi cũ là Ngân hàng TMCP Đ) có nhận chuyển nhượng một phần đất có diện tích 52,8m² thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20, diện tích 211,6m², tọa lạc tại khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ, được Ủy ban nhân dân Quận C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 495519, sổ vào sổ CH00874, cấp ngày 22/02/2011 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim L như nguyên đơn trình bày. Sau khi nhận chuyển nhượng thì Ngân hàng đã sử dụng để đặt 02 trụ ATM giao dịch cho đến nay. Do diện tích nhận chuyển nhượng không đủ hạn mức tách thửa nên đến nay chưa hoàn tất thủ tục sang tên cho ngân hàng được. Đại diện ngân hàng và nguyên đơn cũng có thỏa thuận theo hợp đồng ủy quyền ngày 11/12/2014 là để ngân hàng được

toàn quyền quyết định và định đoạt trong việc quản lý, sử dụng, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp... đối với diện tích đã nhận chuyển nhượng trên. Thời hạn ủy quyền đến khi có văn bản chấm dứt ủy quyền hoặc có chính sách cho phép tách thửa thì sẽ thực hiện tách thửa sang tên đất cho phía ngân hàng. Nay nguyên đơn yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất Số công chứng: 825, quyền số 04/2014TP/CC-SCC-HĐGD ngày 17/4/2014 tại Văn phòng C1 giữa bà Nguyễn Thị Kim L sinh năm 1949, Nguyễn Thị Phương L1 sinh năm 1979, Nguyễn Thị Phương A sinh năm 1985 và Nguyễn Phương H sinh năm 1998 với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và yêu cầu hủy Hợp đồng ủy quyền số công chứng 2882, quyền số 12/2014TP/CC-SCC-HĐGD ngày 11/12/2014 ký tại Văn phòng C1 giữa bà Nguyễn Thị Kim L sinh năm 1949, Nguyễn Thị Phương L1 sinh năm 1979, Nguyễn Thị Phương A sinh năm 1985 và Nguyễn Phương H sinh năm 1998 với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì bị đơn không đồng ý.

* Bà Nguyễn Thị Phương L1 thống nhất với trình bày của bà D và có văn bản xin giải quyết vắng mặt.

Vụ án được hòa giải nhưng không thành. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày. Tuy nhiên, bị đơn mong muốn được tiếp tục sử dụng phần đất đã nhận chuyển nhượng, nguyên đơn cũng mong muốn được tách phần đất đã chuyển nhượng cho bị đơn để rõ ràng về mặt giấy tờ khi nguyên đơn cần giao dịch liên quan đến thửa đất số 34. Nguyên đơn xin rút lại yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền với bị đơn.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải đúng luật định; gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ cho Viện kiểm sát.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Trên cơ sở xem xét hồ sơ và chứng cứ thì đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Đính kèm bài phát biểu của Kiểm sát viên).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký kết với bị đơn về việc chuyển nhượng 52,8m² thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20 và hủy hợp đồng ủy quyền đã ký kết về việc ủy quyền phần đất đã chuyển nhượng cho bị đơn đơn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng ủy quyền”. Bị đơn có địa chỉ tại khu V - Cần Thơ cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C2 có đơn xin giải quyết vắng mặt nên áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất Số công chứng: 825, quyền số 04/2014TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/4/2014 tại Văn phòng C1 giữa bà Nguyễn Thị Kim L sinh năm 1949, Nguyễn Thị Phương L1 sinh năm 1979, Nguyễn Thị Phương A sinh năm 1985 và Nguyễn Phương H sinh năm 1998 với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (nay là Ngân hàng TNHH MTV S) được giao kết tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên đây là giao dịch hợp pháp, được công chứng đúng quy định và thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của hợp đồng theo quy định tại **Điều 117** Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Quá trình tranh tụng tại phiên tòa các đương sự cũng thống nhất tiếp tục việc chuyển nhượng và nguyên đơn cũng đồng ý để bị đơn tiếp tục sử dụng ổn định phần đất đã chuyển nhượng diện tích 52.8m² theo sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất số 68/VPĐK-DV ngày 10/9/2025, thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20, diện tích 211,6m², tọa lạc tại khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00874, do Ủy ban nhân dân Quận C cấp ngày 22/02/2011 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim L. Xét thấy, tuy diện tích chuyển nhượng theo hợp đồng nói trên không đủ diện tích tách thửa tối thiểu theo quy định của Quyết định số 44/2025/QĐ-UBND ngày 11/12/2025 của UBND thành phố C quy định về điều kiện tách thửa đất, hợp thửa đất và diện tích tối thiểu tách thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhưng bị đơn là Ngân hàng TNHH MTV S hiện đang là chủ sử dụng thửa đất liền kề với phần đất tranh chấp, cụ thể là thửa đất số 188, tờ bản đồ số 20 và bị đơn cũng thống nhất đồng ý hợp thửa đất 188 với phần đất tranh chấp mà

không cần tách thành thửa đất mới nên nội dung này là phù hợp quy định về việc công nhận đất cho bị đơn nhưng không làm phát sinh thửa đất mới và đảm bảo có lối đi đúng quy định. Ngoài ra theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 quy định về một số cơ chế tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai có quy định: “Việc tách thửa đất, hợp thửa đất quy định tại điểm d khoản 1 Điều 220 của Luật Đất đai phải bảo đảm có lối đi kết nối với đường giao thông công cộng hoặc được người sử dụng đất liên kế đồng ý cho đi qua để kết nối với đường giao thông công cộng. Trường hợp người sử dụng đất dành một phần diện tích của thửa đất ở hoặc thửa đất có đất ở và đất khác trong cùng thửa đất để làm lối đi, khi thực hiện việc tách thửa đất hoặc hợp thửa đất thì không bắt buộc thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất để làm lối đi đó.

Trường hợp chuyển mục đích sử dụng một phần thửa đất thì không bắt buộc thực hiện tách thửa. Việc hợp các thửa đất không bắt buộc cùng mục đích sử dụng đất, cùng hình thức trả tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, cùng thời hạn sử dụng đất.”

Do đó việc hợp thửa đất số 188 và một phần diện tích của thửa đất 34, tờ bản đồ số 20 không bắt buộc cùng mục đích sử dụng đất nên thỏa thuận của các đương sự là phù hợp quy định và có căn cứ chấp nhận.

3.2 Về yêu cầu hủy Hợp đồng ủy quyền số công chứng 2882, quyền số 12/2014TP/CC-SCC-HĐGD ngày 11/12/2014 ký tại Văn phòng C1 giữa bà Nguyễn Thị Kim L sinh năm 1949, Nguyễn Thị Phương L1 sinh năm 1979, Nguyễn Thị Phương A sinh năm 1985 và Nguyễn Phương H sinh năm 1998 với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ, tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại yêu cầu này nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận cho nên bị đơn phải chịu chi phí này theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Nguyên đơn đã nộp số tiền 7.000.000 đồng, bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 7.000.000 đồng tại giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 157, 184, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Điều 124, Điều 128, Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Điều 119 Bộ luật Dân sự 2015;
- Điều 203 Luật đất đai năm 2013;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Công nhận hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng: 825, quyền số 04/2014TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/4/2014 tại Văn phòng C1 giữa bà Nguyễn Thị Kim L sinh năm 1949, Nguyễn Thị Phương L1 sinh năm 1979, Nguyễn Thị Phương A sinh năm 1985 và Nguyễn Phương H sinh năm 1998 với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (nay là Ngân hàng TNHH MTV S).

2. Công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 52.8m² theo sơ đồ đo đạc hiện trạng thửa đất số 68/VPĐK-DV ngày 10/9/2025, thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20, diện tích 211,6m² tọa lạc tại Khu V, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là phường C, thành phố Cần Thơ), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00874, do Ủy ban nhân dân Quận C cấp ngày 22/02/2011 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim L cho Ngân hàng TNHH MTV S.

3. Dành quyền cho Ngân hàng TNHH MTV S được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục tách thửa đất số 34, tờ bản đồ số 20, diện tích 52.8m² và đồng thời hợp thửa với thửa đất số 188, tờ bản đồ số 20, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT08313, cấp ngày 16/9/2015 cho Ngân hàng TMCP Đ.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Hợp đồng ủy quyền số công chứng 2882, quyền số 12/2014TP/CC-SCC-HĐGD ngày 11/12/2014 ký tại Văn phòng C1 giữa bà Nguyễn Thị Kim L sinh năm 1949, Nguyễn Thị Phương L1 sinh năm 1979, Nguyễn Thị Phương A sinh năm 1985 và Nguyễn Phương H sinh năm 1998 với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (Ngân hàng TNHH MTV S).

5. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận cho nên bị đơn phải chịu chi phí này theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Nguyên đơn đã nộp số tiền 7.000.000 đồng, bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 7.000.000 đồng tại giai đoạn thi hành án.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 300.000 đồng. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương A, Nguyễn Thị Phương L1 và Nguyễn Phương H được nhận lại 17.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003950 ngày 11/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 Cần Thơ, tạm ứng án phí được nhận lại tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ;
- VKS ND thành phố Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự TPCT;
- Viện kiểm sát nhân dân KV3- Cần Thơ;
- Phòng Thi hành án dân sự KV3- Cần Thơ;
- Lưu: Hồ sơ (TC: 12).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Trung Hiến